

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Về việc cung cấp thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh
cho Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc năm 2026

Kính gửi: Các nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam

Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự toán mua sắm “Mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc năm 2026” với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị mời báo giá

1. Tên đơn vị mời báo giá: Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Số 1 Đường Tôn Thất Tùng, phường Vĩnh phúc, tỉnh Phú Thọ

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Bà Trần Thị Hương Thảo, Nhân viên phòng Vật tư - Trang Thiết bị Y tế.

Số điện thoại: 0967423333.

Email: tomuasambvdkvp@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- **Nhận bản giấy báo giá:** các đơn vị gửi trực tiếp bản giấy báo giá hoặc gửi qua dịch vụ chuyển phát về địa chỉ sau đây (**ghi trên bao bì báo giá**):

Phòng Vật tư - Trang Thiết bị Y tế, Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc. Địa chỉ:
Số 1 Đường Tôn Thất Tùng, phường Vĩnh phúc, tỉnh Phú Thọ

- **Đồng thời gửi qua email:** tomuasambvdkvp@gmail.com (File scan báo giá +File excel/Word báo giá + File scan màu các tài liệu liên quan).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá: trước 8h00 ngày 10/7/2026.

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 10/7/2026.

II. Nội dung yêu cầu báo giá

- Danh mục mua sắm thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc năm 2026 theo phụ lục I đính kèm.
- Địa điểm cung cấp, lắp đặt: Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc.
- Báo giá theo mẫu tại Phụ lục II đính kèm.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý công ty./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc (để b/c);
- Phòng CTXH (để đăng tải);
- Lưu: VT, TMS, HSGT (03 bản).



GIÁM ĐỐC

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA VĨNH PHÚC
Email: bvdkyp.soyte@phutho.gov.vn
Cơ quan: SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Lê Văn Tịnh



Phụ lục I
DANH MỤC THIẾT BỊ Y TẾ

(Kèm theo Văn bản số 194/YC-BVĐKVP ngày 29 /6/ 2026 của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc)

TT	<small>KỶ LƯU: BỆNH VIỆN ĐA KHOA VĨNH PHÚC Email: bvdkvp.soyte@phutho.gov.vn Cơ quan SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ</small> Cấu hình cung cấp và thông số kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Máy đo loãng xương	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 máy Bao gồm các phụ kiện đi kèm như sau:		
	+ Phantom hiệu chuẩn máy: 01 cái		
	+ Bộ dụng cụ hỗ trợ định vị bệnh nhân: 01 bộ		
	+ Phần mềm phân tích và chẩn đoán: 01 bộ		
	+ Bộ dây cáp kết nối mạng LAN: 01 bộ		
	+ Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ		
	- Máy tính để bàn: 01 chiếc		
	- Màn hình máy tính: 01 chiếc		
	- Máy in màu: 01 cái		
	- Bàn để máy tính: 01 cái		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- DXA toàn thân (với thành phần toàn bộ cơ thể)		
	- Chùm tia rẽ quạt hẹp nhanh		

- Vị trí quét tối thiểu: Toàn thân, Xương cột sống AP, Xương đùi, Xương đùi kép, Xương cẳng tay, Xương cột sống bên, LVA, Chính hình (khớp háng giả)		
- Thời gian quét:		
+ Xương cột sống: ≤ 26 giây		
+ Xương đùi: ≤ 17 giây		
+ Xương cẳng tay: ≤ 17 giây		
+ Toàn thân: ≤ 7 phút (chế độ tiện dụng) / ≤ 11 phút (chế độ chuẩn) *Phụ thuộc vào chiều cao - Diện tích vùng quét: $\geq (2020 \times 620)$ mm		
- Thông tin đo lường tối thiểu: BMD, BMC, T-score, Z-score, Diện tích, BMI, BMD toàn thân, Thành phần cơ thể (Mỡ / Nạc/ BMC) - Đánh giá thành phần toàn cơ thể và từng vùng cơ thể		
- Chương trình phần mềm tối thiểu:		
+ Đo và phân tích xương cột sống AP		
+ Đo và phân tích xương đùi		
+ Đo và phân tích chính hình (khớp háng giả)		
+ Đo và phân tích toàn thân		
+ Đo và phân tích cơ thể theo vùng		
+ Đo và phân tích xương cẳng tay		
+ Đo và phân tích xương cột sống bên		
+ Đo và phân tích LVA		
+ Nhi khoa: Mật độ khoáng xương và Z-Score đối với xương cột sống AP, xương đùi, thành phần toàn cơ thể		
+ Thành phần toàn bộ cơ thể		
+ Đánh giá đốt sống (L4 - T4)		

	+ Phân tích khớp háng		
	+ Chức năng đo Chỉnh hình với việc phân tích mật độ xương quanh vùng cấy ghép		
	+ B-Scope (Body-Scope): cung cấp phân tích vi mô về thành phần cơ thể (xương, nạc, mỡ) cho bất kỳ ROI nào bạn chọn		
	+ Quét lại		
	+ ROI tự động		
	+ Căn chỉnh góc		
	+ Tự động phát hiện cạnh xương		
	+ Tự động phát hiện cấy ghép		
	+ Tự động phát hiện kim loại		
	+ Phân tích từng vùng quan tâm theo ý muốn		
	+ So sánh các kết quả kiểm tra		
	+ Một lần quét: Kiểm tra kết hợp cột sống thắt lưng và khớp háng trái và phải		
	+ Phân tích theo xu hướng (Mật độ khoáng xương, thành phần cơ thể, hình ảnh quét)		
	+ Kiểm tra hình ảnh năng lượng kép (Năng lượng thấp và Năng lượng cao)		
	+ Loại bỏ vùng không phải xương khỏi các phép tính toán (kim loại, vôi hóa, v.v.)		
	+ So sánh theo xu hướng/biểu đồ quá trình khám của bệnh nhân: thay đổi ngắn hạn, thay đổi dài hạn, thay đổi được biểu thị bằng % và % mỗi năm		
	- Bộ Phát tia X:		
	+ Hệ thống làm mát: ngâm trong dầu cách điện và quạt làm mát hoặc tương đương		
	- Bộ nhận tia (Detector):		
	+ Loại: tinh thể CdTe hoặc tương đương		
	- DICOM và PACS.		
2	Máy siêu âm xuyên sọ	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		

	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt ISO 13485 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 Cái		
	- Máy tính, màn hình cảm ứng: 01 Cái		
	- Bảng điều khiển từ xa tích hợp chuột quang: 01 Cái		
	- Đầu dò cầm tay 2MHz: 01 Cái		
	- Bộ giá đỡ đầu dò: 01 bộ		
	- Gel siêu âm $\geq 250\text{ml}$: 01 Chai		
	- Bộ phần mềm thường quy: 01 bộ		
	- Bộ nguồn lưu trữ điện $\geq 2\text{KVA}$ offline: 01 Cái		
	- Máy in màu: 01 Cái		
	- Bộ sách hướng dẫn sử dụng bằng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 bộ		
	- Xe đẩy: 01 Cái		
c	Tính năng kỹ thuật		
	Máy chính		
	- Ứng dụng thăm khám: siêu âm doppler xuyên sọ		
	- Phương pháp quét sử dụng công nghệ (Dopplertechnology) hoặc tương đương		
	- Có ≥ 4 công kết nối đầu dò với các màu phân biệt khác nhau		
	- Có khả năng kết nối tối thiểu các đầu dò: 1 / 2 / 2 + 2.5 / 4 / 8 / 16 MHz		
	- Tích hợp nút nguồn khởi động		
	Chế độ làm việc tối thiểu		
	- Chế độ Doppler Xung (PW): 1 / 2 / 2 + 2.5 / 16MHz		
	- Chế độ Doppler xung (PW) và Doppler liên tục (CW): 4 / 8 MHz		
	- Kênh Doppler: ≥ 2		
	- Cửa sổ quang phổ: 1 đến ≥ 9		
	- Khoảng đo tốc độ dòng chảy lên đến $\geq 1900\text{ cm/s}$		
	- Chế độ doppler M-Mode: Có		
	- Cổng tối đa: ≥ 8000		

- Chế độ phát lại Có âm thanh (Audio playback): Có		
- Chế độ ghi quang phổ liên tục (Continuous spectra recording): Có		
- Trình tạo báo cáo (Report generator): Có		
- Ngõ vào Analog: ≥ 8		
- Ngõ ra Analog: ≥ 4		
- Phần mềm đọc dữ liệu Offline: Có		
- Hỗ trợ điều khiển từ xa: Bảng điều khiển từ xa tích hợp dạng chuột quang, kết nối cổng USB		
- Cơ sở dữ liệu: DWL Database		
- Lưu trữ nội Bộ: Có		
- Lưu trữ bên ngoài: Có		
- Xuất dữ liệu doppler: dạng RAW (thô)		
- Xuất dữ liệu với dạng mã hóa: UTF-8 ASCII		
Máy tính		
- Chip xử lý (CPU): \geq Core i5		
- RAM: ≥ 8 GB		
- Ổ cứng SSD: ≥ 256 GB		
- Hệ điều hành: Windows 10 bản quyền trở lên		
- Màn hình: Loại cảm ứng ≥ 21 inch		
- Độ phân giải màn hình: $\geq 1920 \times 1080$		
Tính năng tối thiểu phần mềm		
- Phần mềm thường quy (Routine)		
- Chế độ M-Mode		
- Có thể nâng cấp tính năng theo dõi liên tục (Monitoring)		
- Có thể nâng cấp tính năng phát hiện huyết khối (Emboli Detection)		
- Có thể nâng cấp tính năng vận mạch CO2 /Vasomotor		
- Có thể nâng cấp tính năng Dòng chảy (Evoke-Flow)		
- Có thể nâng cấp tính năng phân biệt huyết khối (Emboli Differentiation)		
- Có thể nâng cấp tính năng kết nối mạng DICOM		
- Phần mềm có thể tùy chỉnh các thông số:		
+ Cửa sổ phổ		

	+ Tùy chỉnh các tham số		
	+ Tùy chỉnh đường Zeroline		
	+ Chuyển hướng đầu dò		
	+ Hiện thị góc		
	+ Hiện thị nhịp tim		
	+ Hiện thị bộ đệm quang phổ		
	+ Hiện thị đa độ sâu		
	+ Tùy chỉnh thay đổi phổ màu		
	+ Chế độ AutoGain		
	+ Chức năng tìm kiếm		
	+ Bản báo cáo dữ liệu dạng PDF		
	+ Vasotrend		
	Máy in màu		
	- Công nghệ: in phun		
	- Khô giấy tối thiểu: A4		
	- Độ phân giải: $\geq 5760 \times 1440$ dpi		
	- Tốc độ: ≥ 10 trang/phút		
	- Kết nối: USB 2.0 hoặc mạng LAN		
	Bộ lưu điện		
	- Loại Offline		
	- Công suất: $\geq 2200VA/1200W$.		
3	Máy holter điện tim kèm 10 đầu ghi holter 24/24	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt ISO 13485, CE hoặc tương đương		
	- Nguồn điện: Pin Ankaline AA 1.5V hoặc Lithium AA hoặc NiMH 1.2V		
b	Yêu cầu cấu hình cung cấp		
	Đầu ghi holter điện tim: 10 chiếc		
	Cáp bệnh nhân 5 điện cực: 10 chiếc		

	Bao đựng với dây cài: 10 bộ		
	Pin: 10 bộ		
	Card SD 2GB: 20 chiếc		
	Điện cực dán: 10 túi		
	Bộ phần mềm phân tích tín hiệu điện tim: 1 bộ		
	HW key: 1 cái		
	Bộ máy tính, màn hình: 01 bộ		
	Máy in đen trắng: 01 cái		
	Hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + tiếng Việt: 1 bộ		
c	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật		
	Thông số đầu thu:		
-	Số kênh: ≥ 3 kênh		
-	Đạo trình thu được tối thiểu: mV1, mV3, mV5		
-	Thời gian ghi: ≥ 24 giờ		
-	Cấp nối bệnh nhân: ≥ 5 điện cực		
-	Kiểm tra chất lượng tín hiệu: USB, thẻ SD		
-	Được chứng nhận sử dụng cho trẻ ≤ 10 kg		
-	Màn hình LCD hoặc tốt hơn		
-	Dung lượng lưu trữ: ≥ 2 GB		
-	Tần số lấy mẫu: $\geq 8 \times 2000$ Hz		
-	Dải tần: ≤ 0.049 Hz – ≥ 220 Hz		
-	Độ phân giải số: $\geq 1.52\mu\text{V}$		
-	Điện áp điện cực tối đa: $\geq \pm 393$ mV DC		
-	Dải động: ≥ 66 mV _{pp}		
-	Hệ số nén chế độ chung (CMRR): ≥ 100 dB		
	Thông số phần mềm tối thiểu:		
-	Mẫu đa cấp		
-	Phân tích nhịp		
-	Đánh giá HRV dưới dạng bảng		
-	Đánh giá ST dưới dạng bảng.		

4	Máy đo HP	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt ISO 13485, CE hoặc tương đương		
b	Yêu cầu cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Bộ xét nghiệm vi khuẩn H.Pylori: 01 bộ		
	- Hướng dẫn sử dụng: 1 bản		
c	Yêu cầu chỉ tiêu kỹ thuật		
	- Máy xét nghiệm vi khuẩn H.Pylori qua hơi thở có ≥ 2 cổng		
	- Phát hiện vi khuẩn H.Pylori đang hoạt động có độ nhạy 100% và độ đặc hiệu $\geq 99,8\%$ (cho chuẩn đoán ban đầu và xét nghiệm loại trừ nhiễm trùng sau điều trị)		
	- Màn hình: $\geq 2.5''$ AMOLED với cảm biến điện dung hoặc tương đương		
	- Ước tính thời gian đo 1 mẫu: ≤ 3 phút		
	- Dung tích mẫu: ≤ 50 ml		
	- Đo từng mẫu: $\pm 0,3 \%$		
	- Đo lặp lại 1 mẫu trong cùng 1 túi thở: $\leq \pm 0,4\%$		
	- Đo lặp lại 1 mẫu trong các túi khác nhau: $\leq \pm 0,5 \%$		
	- Dải đo: từ ≤ 100 ppm đến ≥ 800 ppm, hoặc từ $\leq 0,8\%$ đến $\geq 8\%$		
	- Bộ xét nghiệm và máy xét nghiệm của hãng được đồng bộ về mặt chất lượng. Tiêu chuẩn chất lượng: US FDA hoặc tương đương		
5	Hệ thống giải phẫu bệnh -Sinh học phân tử		
5.1	Hệ thống xét nghiệm Realtime PCR	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		

b	Cấu hình cung cấp		
	- Thân máy chính đã lắp sẵn khối nhiệt ≥ 96 giếng 0.2ml: 01 Cái		
	- Phụ kiện và vật tư tiêu hao đi kèm: 01 bộ		
	- Phần mềm phân tích: 01 bộ		
	- Máy tính: 01 bộ		
	- Máy in: 01 Cái		
	- Bộ lưu điện: 01 bộ		
	- Hướng dẫn sử dụng: 01 Bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	Ứng dụng tối thiểu:		
	- Hệ thống nhân gene thời gian thực dựa trên tín hiệu huỳnh quang để:		
	+ Phát hiện định lượng trình tự axit nucleic mục tiêu (đích).		
	+ Phân tích định tính sản phẩm PCR (phân tích đường cong nóng chảy sau PCR).		
	- Khả năng chạy các hóa chất realtime PCR loại nhanh hoặc tiêu chuẩn.		
	Thông số kỹ thuật chính		
	Công suất: ≥ 96 giếng cho ống 0.2 ml		
	Thể tích phản ứng: 10 – 100 μ L		
	Thời gian chạy máy: < 30 phút (chế độ nhanh)		
	Bộ phận quang học:		
	+ Nguồn sáng kích thích: Đèn LED sáng trắng		
	+ Hệ thống quang học: bộ ≥ 6 pin lọc		
	+ Dải bước sóng kích thích/ phát hiện tối thiểu: 450 – 680 nm/500 – 730 nm		
	+ Khả năng thực hiện đa tác nhân (multiplex): ≥ 6 trình tự đích		
	+ Các màu huỳnh quang tối thiểu đã hiệu chuẩn: đáp ứng các màu/thuốc nhuộm huỳnh quang thông dụng trong xét nghiệm Real-time PCR như FAM, SYBR Green, VIC/HEX hoặc tương đương, ROX/Texas Red hoặc tương đương, Cy5 hoặc tương đương.		
	+ Các màu huỳnh quang tối thiểu có thể tương thích: cho phép thiết lập hoặc hiệu chuẩn bổ sung các màu/thuốc nhuộm huỳnh quang khác phục vụ xét nghiệm multiplex PCR, phù hợp với dải bước sóng của hệ thống và theo hướng dẫn của hãng sản xuất.		

	+ Dải động học: ≥ 10 đơn vị log		
	+ Khả năng phát hiện: ≥ 1 bản sao		
	+ Độ nhạy: Phát hiện được sự sai khác nhỏ tới ≥ 1.5 lần trong các trình tự đích với phản ứng đơn tác nhân (singleplex)		
	- Bộ phận luân nhiệt:		
	+ Phương pháp gia nhiệt/ giảm nhiệt: Peltier hoặc tương đương		
	+ Block với ≥ 6 vùng nhiệt độ độc lập		
	+ Tốc độ gia nhiệt của block tối đa: $\geq 6.5^{\circ}\text{C}/\text{giây}$		
	+ Tốc độ gia nhiệt trung bình cho mẫu: $\geq 3.66^{\circ}\text{C}/\text{giây}$		
	+ Độ đồng nhất nhiệt độ: $\leq 0.5^{\circ}\text{C}$		
	+ Độ chính xác nhiệt độ: $\leq 0.25^{\circ}\text{C}$.		
5.2	Máy tách chiết tự động	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485, CE IVD hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Hướng dẫn sử dụng: 1 bản		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Công nghệ silica hạt từ hoặc tương đương		
	- Số mẫu: ≥ 48 mẫu/ lần chạy		
	- Thể tích: $\leq 200 \mu\text{l}$ đến $\geq 5000 \mu\text{l}$		
	- Thời gian: $\leq 25 - \geq 90$ phút (tùy thuộc vào loại mẫu và chế độ chạy máy)		
	- Thể tích tách chiết: $\leq 50 \sim \geq 100 \mu\text{l}$		
	- Bộ tách chiết: Đã chia sẵn, sẵn sàng sử dụng		
	- Nhiệt độ bảo quản: $\leq +15^{\circ}\text{C} \sim \geq +30^{\circ}\text{C}$		

	- Nhiệt độ khô: $\leq +30^{\circ}\text{C} \sim \geq +100^{\circ}\text{C}$		
	- Tính năng bổ sung: UV, Tự kiểm tra (tránh lỗi do người),		
5.3	Tủ an toàn sinh học cấp 2, loại 2 người sử dụng	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Thân tủ chính: 01 Cái		
	- Đèn LED, đèn UV: 01 bộ		
	- Ổ cắm điện: 01 chiếc		
	- Bánh xe: 01 bộ		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Kích thước bên trong (WxDxH): 1220 x 610 x 661 mm \pm 10%		
	- Chiều cao cửa mở hoạt động: \geq 175 mm		
	- Chiều cao cửa mở tối đa: \geq 490 mm		
	- khay làm việc bằng thép không gỉ SUS304 hoặc tương đương		
	- Vách bên bằng kính cường lực hấp thụ tia UV, trong suốt, dày \geq 6mm		
	- Tốc độ khí trung bình:		
	+ Dòng khí vào (inflow): \geq 0.45 m/s (90 fpm).		
	+ Dòng khí xuống (downflow): \geq 0.32 m/s (63 fpm).		
	- Thể tích khí:		
	+ Dòng khí vào: \geq 96 m ³ /h (56.5 cfm)		
	- Độ ồn: \leq 65 dBA		
	- Cường độ sáng: \geq 1000 lux		
	- Công suất tiêu thụ: \leq 300 W		

5.4	Máy ly tâm đa năng để bàn	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Dây nguồn: 01 cái		
	- Roto: 01 cái		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Tốc độ ly tâm: ≤ 200 đến $\geq 16,000$ vòng/phút; bước tăng ≤ 10 vòng/phút.		
	- Lực ly tâm: ≤ 20 đến ≥ 26.300 x g; bước tăng ≤ 10 x g.		
	- Thể tích ly tâm tối đa (với roto cánh): ≥ 4 x 750ml		
	- Thể tích ly tâm tối đa (với roto góc): ≥ 4 x 500ml		
	- Thời gian chạy có thể cài: chế độ vận hành nhanh (Quick Spin), ≤ 10 giây đến ≥ 99 giờ 59 phút 59 giây, hoặc vận hành liên tục.		
	- Độ ồn: $\leq 63+2$ dB(A)		
	- Mức tăng/giảm tốc: ≥ 10		
	- Công suất tiêu thụ: ≤ 650 W		
	- Năng lượng động học tối đa cho phép: ≥ 60600 Nm		
5.5	Máy ly tâm tốc độ cao ống 1.5ml/2ml để bàn	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nguồn điện: 100 - 240 V AC, 50/60 Hz hoặc phù hợp với nguồn điện tại Việt Nam		
	- Môi trường hoạt động:		
	+ Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$		
	+ Độ ẩm tối đa: $\geq 70\%$		

b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Dây nguồn: 01 cái		
	- Roto: 01 cái		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Phù hợp tối thiểu cho các ứng dụng:		
	+ Ly tâm DNA/RNA		
	+ PCR, spin column		
	+ Vi sinh, sinh học phân tử		
	- Tốc độ ly tâm: ≤ 200 đến ≥ 14.500 vòng/phút; bước tăng ≤ 10 vòng/phút.		
	- Lực ly tâm tối đa: ≥ 17.170 x g; bước tăng ≤ 10 x g.		
	- Thể tích ly tâm tối đa: ≥ 24 x 1.5/2.0 ml		
	- Thời gian chạy có thể cài: chế độ vận hành nhanh (Quick Spin), ≤ 10 giây đến ≥ 99 giờ 59 phút 59 giây, hoặc vận hành liên tục.		
	- Độ ồn: $\leq 60+2$ dB(A)		
	- Mức tăng/giảm tốc: ≥ 10		
	- Mật độ mẫu cho phép: ≥ 1.2 g/ml		
	- Năng lượng động học tối đa cho phép: ≥ 2120 Nm		
	- Công suất tiêu thụ: ≤ 200 W		
5.6	Máy ủ nhiệt có lắc	Chiếc	02
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính không bao gồm block: 01 cái		

	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Sử dụng block nhiệt thay thế linh hoạt cho nhiều loại tube và microplate.		
	- Màn hình cảm ứng màu LCD hoặc tương đương		
	- Có cổng USB lưu và xuất dữ liệu		
	- Máy lắc ủ nhiệt có làm mát		
	- Bộ điều khiển: màn hình cảm ứng màu ≥ 10 cm		
	- Bộ nhớ chương trình: Lưu được chương trình nhiều bước		
	- Kiểu lắc: lắc tròn (orbital) hoặc tương đương		
	- Biên độ lắc: ≥ 3 mm		
	- Tốc độ lắc: ≤ 300 đến ≥ 3.000 vòng/phút (điều chỉnh theo mức tăng ≥ 10 vòng/phút)		
	- Độ chính xác tốc độ: $\leq \pm 2\%$		
	- Khoảng nhiệt độ: thấp hơn $\leq 17^{\circ}\text{C}$ so với nhiệt độ môi trường xung quanh đến $\geq 100^{\circ}\text{C}$ (điều chỉnh theo mức tăng $\leq 0,1^{\circ}\text{C}$)		
	- Độ chính xác nhiệt độ: $\leq \pm 0.5^{\circ}\text{C}$ ($20-45^{\circ}\text{C}$); $\leq \pm 2^{\circ}\text{C}$ ngoài khoảng trên		
	- Tốc độ gia nhiệt: $\geq 5^{\circ}\text{C}/\text{phút}$		
	- Tốc độ làm mát: $2-3^{\circ}\text{C}/\text{phút}$ trên nhiệt độ môi trường, Dưới nhiệt độ môi trường $0,5-1,0^{\circ}\text{C}/\text{phút}$		
	- Thời gian: ≤ 1 giây - ≥ 99 giờ, 59 phút (điều chỉnh theo từng phút)		
	- Công suất lắc: loại ≥ 1 block		
	- Hệ truyền động: động cơ DC không chổi than		
	- Công suất tiêu thụ điện: $\leq 250\text{W}$		
5.7	Máy Spindown	Chiếc	02
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		

b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 Cái		
	- Rotor và phụ kiện theo máy: 01 Cái		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Tốc độ ly tâm: $\leq 1.000 - \geq 12.000$ vòng/phút (rpm).		
	- Lực ly tâm tối đa (RCF): ≥ 6.900 x g.		
	- Rotor tiêu chuẩn: ≥ 8 vị trí cho ống 1,5/2,0 ml.		
	- Rotor PCR: 4 strip PCR 8 ống 0,2 ml.		
	- Thời gian cài đặt: $\leq 1 - \geq 99$ phút.		
	- Màn hình hiển thị kỹ thuật.		
	- Rotor tháo lắp nhanh, không cần dụng cụ.		
	- Chức năng phanh điện tử và khóa nắp an toàn.		
	- Tự động dừng khi kết thúc chu trình ly tâm		
5.8	Máy Vortex	Chiếc	02
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 Cái		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Vật liệu chế tạo bằng hợp kim kẽm và technopolymer hoặc tương đương		
	- Bốn chân chống trượt.		
	- Đường kính quỹ đạo lắc: ≥ 4.5 mm		
	- Cài đặt tốc độ dạng analog hoặc tương đương		

	- Tốc độ: ≥ 3000 vòng/phút		
	- Chế độ hoạt động: cảm ứng hồng ngoại (IR) hay liên tục.		
	- Công suất: ≤ 20 W.		
5.9	Máy định lượng AXIT NUCLEIC và PROTEIN	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 Cái		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Khoảng động học: ≥ 5 bậc		
	- Thời gian xử lý: ≤ 5 giây/ mẫu.		
	- Nguồn sáng:		
	* Blue LED (max $\sim \geq 470$ nm)		
	* Red LED (max $\sim \geq 635$ nm)		
	- Bộ lọc kích thích:		
	* Blue $\leq 430 - \geq 495$ nm		
	* Red $\leq 600 - \geq 645$ nm		
	- Bộ lọc phát xạ:		
	* Green $\leq 510 - \geq 580$ nm		
	* Red $\leq 665 - \geq 720$ nm		
	- Bộ cảm biến: Photodiodes, có thể định lượng từ bước sóng $\leq 300 - \geq 1000$ nm		
	- Điểm hiệu chỉnh: 2 hoặc 3 điểm chuẩn		
	- Loại ống đựng mẫu: Ống Real Time PCR (polypropylene) 0.5ml		
	- Thời gian khởi động: ≤ 35 giây		

	- Dung lượng USB: $\geq 4\text{Gb}$		
	- Các ngôn ngữ tối thiểu có thể lựa chọn: Tiếng Anh		
5.10	Pipette đơn kênh thay đổi thể tích	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Sản xuất đạt chứng chỉ: ISO 9001, ISO 14001, ISO 13485		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Pipette đơn kênh 0.5 - 10 μL : 01 Cái		
	- Pipette đơn kênh 10 - 100 μL : 01 Cái		
	- Pipette đơn kênh 20 - 200 μL : 01 Cái		
	- Pipette đơn kênh 100 - 1000 μL : 01 Cái		
c	Tính năng kỹ thuật		
*	Pipette đơn kênh 0.5 - 10 μL		
	Sai số: $\leq \pm 2.5\%$ tại 1 μl ; $\leq \pm 2.0\%$ tại 5 μl , $\leq \pm 1.0\%$ tại 10 μl		
	Độ lặp lại: $\leq 2.0\%$ tại 1 μl ; $\leq 1.0\%$ tại 5 μl ; $\leq 0.5\%$ tại 10 μl		
*	Pipette đơn kênh 10 - 100 μL : 01 Cái		
	Sai số: $\leq \pm 3.0\%$ tại 10 μl ; $\leq \pm 1.2\%$ tại 50 μl , $\leq \pm 0.8\%$ tại 100 μl		
	Độ lặp lại: $\leq 1.0\%$ tại 10 μl ; $\leq 0.4\%$ tại 50 μl ; $\leq 0.2\%$ tại 100 μl		
*	Pipette đơn kênh 20 - 200 μL : 01 Cái		
	Sai số: $\leq \pm 3.0\%$ tại 20 μl ; $\leq \pm 1.00\%$ tại 100 μl , $\leq \pm 0.60\%$ tại 200 μl		
	Độ lặp lại: $\leq 1.50\%$ tại 20 μl ; $\leq 0.5\%$ tại 100 μl ; $\leq 0.3\%$ tại 200 μl		
*	Pipette đơn kênh 100 - 1000 μL : 01 Cái		
	Sai số: $\leq \pm 1.50\%$ tại 100 μl ; $\leq \pm 1.00\%$ tại 500 μl , $\leq \pm 0.5\%$ tại 1000 μl		
	Độ lặp lại: $\leq 0.6\%$ tại 100 μl ; $\leq 0.4\%$ tại 500 μl ; $\leq 0.2\%$ tại 1000 μl		
5.11	Tủ thao tác PCR	Chiếc	02
a	Yêu cầu chung:		

	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính và phụ kiện tiêu chuẩn kèm theo: 01 cái		
	- Hướng dẫn sử dụng: 1 bản		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Kích thước trong (WxDxH): (800 x 580 x 650) mm \pm 10%		
	- Vật liệu khung: thép sơn tĩnh điện hoặc tương đương		
	- Mặt bàn làm việc: Inox 304 hoặc tương đương		
	- Cửa: Kính cường lực		
	- Chân đỡ tủ: Thép hộp (40 x 40) mm \pm 10%		
	- Lọc thô (G4): 01 tấm		
	- Lọc HEPA kích thước: (750 x 510 x 70) mm \pm 10%		
	- Hiệu suất: \geq 99,99% at 0.3 micromet		
	- Đèn LED		
	- Có công tắc bật tắt		
	- Đèn UV công suất: \geq 15W x 450 mm, có thể hẹn giờ		
	- Quạt: 01 chiếc.		
6	Máy laser CO2 Fractional	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Phụ kiện kèm theo: 01 bộ gồm		

	- Hướng dẫn sử dụng: 1 bản		
c	Tính năng kỹ thuật		
*	Phạm vi trị liệu tối thiểu:		
	- Peel Vật lý giúp trẻ hoá và đồng đều màu da		
	- Xóa sẹo mụn		
	- Thu nhỏ lỗ Chân lông		
	- Cải thiện vết rạn da		
	- Giải quyết lỗ Chân lông to		
	- Khắc phục tình trạng lỏng lẻo của âm đạo		
*	Thông số kỹ thuật cơ bản		
	- Mode: Fractional CO2		
	- Loại laser: Ultra Pulse and CW		
	- Bước sóng: $\geq 10600\text{nm}$		
	- Công suất: $\leq 60\text{W}$		
	- Màn hình hiển thị: Màn hình cảm ứng ≥ 10 inch		
	- Công suất tia dẫn đường: $\leq 5\text{mV}$		
	- Chế độ hoạt động tia laser tối thiểu: Quét tự do, Quét theo chuỗi, Quét xen kẽ		
	- Vùng quét tối thiểu: $1 \times 1 \sim 20 \times 20\text{mm}$		
	- Chế độ chùm tia: TEM00 < 1.1 M2		
	- Góc phân kỳ chùm tia: ≤ 0.3 mrad		
	- Kích thước điểm: $\leq 0.12 / 2.0\text{mm}$		
	- Kiểu Điểm tối thiểu: hình tròn / Elip / hình tam giác / hình vuông / hình chữ nhật / hình lục giác / đường thẳng / Vòng tròn rỗng		
	- Hệ thống dẫn tia: trực khuỷu ≥ 7 khớp nối		
	- Chùm tia dẫn đường: 5 mW, hồng ngoại 635nm, điều chỉnh cường độ		

	- Hệ thống làm mát: có.		
7	Máy chăm sóc da dùng trong da liễu	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Phụ kiện kèm theo: 01 bộ		
	- Hướng dẫn sử dụng: 1 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Thiết bị phục hồi da sau liệu trình công nghệ cao với ≥ 8 đầu trị liệu, tối thiểu		
	+ Bong bóng oxi		
	+ Đầu tẩy da chết		
	+ Súng phun tinh chất		
	+ HR lưỡng cực		
	+ Búa nóng lạnh		
	+ Sóng âm		
	+ HR lưỡng cực		
	+ Aqua		
	- Năng lượng: $\geq 180W$		
	- Tần suất: 0,5 - 1 Mhz		
	- Nhiệt độ đầu nóng lạnh: Lạnh $0 - \geq 6^{\circ}C$, Nóng $\leq 36 - \geq 46^{\circ}C$		
	- Sóng siêu âm: $\geq 1.1MHz$		
	- Đầu aquapeel: ≥ 6 đầu mềm, ≥ 18 đầu cứng		
	- Áp lực nước: Áp lực dương khoảng 2 - 3kg		

	- Áp lực âm: 96 Kpa. Flow \leq 30l		
	- Màn hình: \geq 10 inch độ phân giải \geq (800 x 600)		
8	Máy tiêm điện tử dùng trong thẩm mỹ	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Máy chính: 01 cái		
	- Phụ kiện kèm theo: 01 bộ		
	- Hướng dẫn sử dụng: 1 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
	- Đầu tiêm \geq 9 kim siêu nhỏ:		
	- Phù hợp với mọi nhu cầu điều trị tối thiểu: dưỡng trắng, trẻ hóa da đến trị nám, tàn nhang, mụn,...		
	- Chế độ tiêm: Thường/ tùy chỉnh/ tự động tính toán liều lượng/ tiêm chậm/ tự độ cảm biến		
	- Tỷ lệ trào tinh chất: Dưới 3%		
	- Phạm vi lực phun: 0 - \geq 15kg		
	- Phạm vi áp suất âm: \leq 25 - \geq 90KPa		
	- Ống tiêm phù hợp tối thiểu: 1ml/2ml/3ml/5ml		
	- Kích thước màn hình: \geq 10 inches.		
9	Máy giặt công nghiệp	Chiếc	01
a	Yêu cầu chung		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 9001 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		

-	Máy giặt và phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ		
-	Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển		
c	Thông số kỹ thuật		
-	Màn hình cảm ứng $\geq 7''$, hiển thị nhiệt độ, thời gian, tốc độ giặt vắt.		
-	Có ≥ 8 tín hiệu cấp hóa chất		
-	Chốt định vị với sàn phẳng bằng khung định vị		
-	Công suất giặt: ≥ 80 Kg/mẻ		
-	Đường kính lồng giặt: ≥ 1.000 mm		
-	Độ sâu lồng giặt: ≥ 930 mm		
-	Dung tích lồng giặt: ≥ 800 lít		
-	Tốc độ vắt: ≥ 505 vòng/phút		
-	Lực vắt ly tâm: ≥ 150 G		
-	Tốc độ giặt: $\geq 42,5$ vòng/ phút		
-	Công suất motor: $\geq 7,5$ kW		
-	Công suất đốt nóng tối đa: ≥ 48 kw		
-	Vỏ và lồng bằng inox chống gỉ hoặc tương đương		
-	Có cổng kết nối USB		
-	Kiểu đốt nóng bằng điện.		
-	Độ ồn: ≤ 70 dB.		
10	Máy sấy đồ vải		
a	Yêu cầu chung	Chiếc	01
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 9001 hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
-	Máy sấy và phụ kiện tiêu chuẩn: 01 bộ		
-	Hướng dẫn sử dụng: 01 quyển		
c	Thông số kỹ thuật		
-	Màn hình cảm ứng $\geq 7''$ hiển thị nhiệt độ, thời gian sấy.		

-	Lồng sấy đảo chiều.		
-	Lồng sấy bằng thép không gỉ		
-	Công suất: ≥ 80 kg /m ²		
-	Đường kính lồng sấy: ≥ 1.220 mm		
-	Độ sâu lồng sấy: ≥ 1250 mm		
-	Dung tích lồng sấy: ≥ 1500 lít		
-	Công suất motor lồng: ≥ 1.5 kW		
-	Công suất motor quạt: ≥ 1.1 kW		
-	Sấy đảo chiều chống xoắn		
-	Kiểu đốt nóng bằng điện		
-	Độ ồn: ≤ 67 dB.		
11	Giường điện 1 chức năng	Chiếc	520
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485, CE hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Giường chính: 01 cái		
	- Nệm: 01 cái		
	- Cọc truyền: 01 cái		
	- Kẹp toa thuốc: 01 cái		
	- Bánh xe: 4 cái		
	- Tay quay: 01 bộ		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
-	Giường có chức năng nâng lưng và đầu điều chỉnh bằng 1 motor điện		
-	Tám chân đầu và cuối giường: bằng nhựa ABS hoặc tương đương, có thể tháo lắp dễ dàng		
-	Khung giường: bằng thép hộp sơn tĩnh điện hoặc tương đương, dày ≥ 1 mm, có lỗ cắm cọc truyền hai bên thành giường.		

-	Sàn giường: bằng thép đột lỗ dày ≥ 1 mm, sơn tĩnh điện hoặc tương đương, được chia làm 2 phần		
-	Thành chắn hai bên Giường: Có thể tháo lắp dễ dàng Làm bằng nhôm cao cấp và nhựa ABS hoặc tương đương, có thể dựng lên hạ xuống và chốt hãm.		
-	Kích thước tổng thể giường: (Dài x Rộng x Cao): (2000 x 960 x 520) mm $\pm 10\%$		
-	Góc nâng lưng: từ $0^\circ - \geq 85^\circ$		
-	Bánh xe: 4 bánh xe, bánh xe có khoá hãm, đường kính ≥ 125 mm		
-	Tải trọng an toàn: ≥ 250 kg		
-	Nệm:		
	+ Kích thước (Dài x Rộng x Dày): (1920 x 860 x 50) mm $\pm 10\%$		
	+ Chất liệu nệm: bằng mút PE, mật độ cao không xẹp, vỏ bọc bằng vải giả da chống thấm nước		
-	Cọc truyền được làm bằng thép không gỉ hoặc tương đương, có ≥ 4 móc, điều chỉnh được độ cao.		
-	Kẹp bệnh án: bằng Inox, kích thước (dài x rộng): (320 x 230) mm $\pm 10\%$		
-	Motor điện: 24VDC.		
12	Giường bệnh nhân 1 tay quay	Chiếc	120
a	Yêu cầu chung:		
	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2026 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485, CE hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Giường chính: 01 cái		
	- Nệm: 01 cái		
	- Cọc truyền: 01 cái		
	- Kẹp toa thuốc: 01 cái		
	- Bánh xe: 4 cái		
	- Tay quay: 01 bộ		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		

c	Tính năng kỹ thuật		
-	Giường có chức năng nâng lưng và đầu điều chỉnh bằng tay quay		
-	Giường có 1 tay quay với hệ thống trục vít bằng ren phía ngoài che bằng ống nhựa, tay quay làm bằng nhựa ABS hoặc tương đương, có thể gấp gọn được		
-	Tấm chắn đầu và cuối giường: bằng nhựa ABS hoặc tương đương, có thể tháo lắp dễ dàng		
-	Khung giường: bằng thép hộp $\geq (30 \times 60)$ mm, dày ≥ 1 mm sơn tĩnh điện, có lỗ cắm cọc truyền hai bên thành giường.		
-	Chân giường: làm bằng thép hộp $\geq (50 \times 50)$ mm, dày ≥ 1 mm, thanh giằng chân giường thép hộp $\geq (40 \times 40)$ mm		
-	Sàn giường: bằng thép đột lỗ dày ≥ 1 mm, sơn tĩnh điện, được chia làm 2 phần		
	+ Tấm nâng lưng, đầu: Dài 700 mm $\pm 10\%$		
	+ Tấm hông, chân: Dài 1200 mm $\pm 10\%$		
-	Thành chắn hai bên Giường: Có thể tháo lắp dễ dàng, làm bằng nhôm cao cấp và nhựa ABS hoặc tương đương, có thể dựng lên hạ xuống và chốt hãm.		
-	Kích thước tổng thể giường: (Dài x Rộng x Cao): (2150 x 960 x 510) mm $\pm 10\%$		
-	Góc nâng lưng: từ $0^\circ - \geq 85^\circ$		
-	Bánh xe: 4 bánh xe, bánh xe có khoá hãm, đường kính ≥ 125 mm		
-	Tải trọng an toàn: ≥ 250 kg		
-	Nệm:		
	+ Nệm giường: kích thước (Dài x Rộng x Dày): (1920 x 860 x 70) mm $\pm \pm 10\%$		
	+ Chất liệu nệm: bằng mút PE, mật độ cao không xẹp, vỏ bọc bằng vải giả da hoặc tương đương, chống thấm nước.		
-	Cọc truyền: có ≥ 4 móc làm bằng thép không gỉ, điều chỉnh được độ cao từ ≤ 750 đến ≥ 1400 mm, có khóa chỉnh và hãm độ cao.		
-	Kẹp bệnh án: bằng Inox, kích thước (dài x rộng): (320 x 230) mm $\pm 10\%$.		
13	Giường bệnh nhân 2 tay quay	Chiếc	30
a	Yêu cầu chung:		

	- Hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng		
	- Sản xuất năm 2025 trở về sau		
	- Nhà sản xuất đạt: ISO 13485, CE hoặc tương đương		
b	Cấu hình cung cấp		
	- Giường chính: 01 cái		
	- Nệm: 01 cái		
	- Cọc truyền: 01 cái		
	- Kẹp toa thuốc: 01 cái		
	- Bánh xe: 4 cái		
	- Tay quay: 01 bộ		
	- Tài liệu hướng dẫn sử dụng: 01 bộ		
c	Tính năng kỹ thuật		
-	Giường được điều khiển bằng ≥ 02 tay quay cho phép điều chỉnh tư thế lưng và chân		
-	Thân giường chính được làm từ thép hoặc tương đương phủ sơn tĩnh điện.		
-	Chân giường và khung giường có độ dày $\geq 1.4\text{mm}$.		
-	Mặt giường được làm từ thép chống rỉ hoặc tương đương phủ sơn tĩnh điện, dập lỗ thoáng, có độ dày $\geq 1.2\text{mm}$		
-	Tám chắn đầu giường và cuối giường làm bằng nhựa ABS hoặc tương đương		
-	Bánh xe có đường kính: $\geq 125\text{mm}$, có phanh hãm		
	Đệm làm bằng mút polyurethane hoặc tương đương, vỏ bọc bằng vải simili chống thấm nước, có độ dày $\geq 70\text{mm}$		
	Thanh chắn bệnh nhân hai bên thành giường:		
-	≥ 04 bộ thanh chắn, chất liệu PP (polypropylene) hoặc ABS hoặc tương đương.		
-	Có thể gập lên- xuống bằng lò xo khí theo nhu cầu của người sử dụng hoặc tương đương;		
-	Điều chỉnh tư thế đầu: từ 0° đến $\geq 85^\circ$		
-	Điều chỉnh tư thế chân: từ 0° đến $\geq 40^\circ$		

-	Trọng lượng tải: $\geq 250\text{kg}$		
	Kích thước: Khoảng $\geq (2150 \times 1080 \times 520)$ mm		
	Cọc truyền dịch làm bằng thép không gỉ, có thể điều chỉnh được độ cao		
-	Có vị trí cắm cọc truyền dịch ở các góc giường		

Ghi chú:

- Các yêu cầu về tính năng và yêu cầu kỹ thuật của hàng hoá nêu tại Thư mời báo giá là bản mô tả yêu cầu tối thiểu, các đơn vị có thể chào thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, thiết kế công nghệ, tiêu chuẩn công nghệ và các nội dung khác (nếu có).

- Giá báo giá là giá trọn gói (đã bao gồm thuế VAT, chi phí vận chuyển, lắp đặt và các chi phí khác liên quan).



Phụ lục II BÁO GIÁ

(Kèm theo Văn bản số 194 /YC-BVĐKVP ngày 29 /6/ 2026 của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc)

Ký bởi: BỆNH VIỆN ĐA KHOA VĨNH PHÚC
Email: bvd.mvp.soyte@phutho.gov.vn
Cơ quan: SỞ Y TẾ, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THO

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc

Trên cơ sở đề nghị báo giá của Bệnh viện Đa khoa Vĩnh Phúc tại Yêu cầu báo giá số: /YC-BVĐKVP ngày tháng năm 2026, chúng tôi . Công ty; Địa chỉ.....báo giá cho các thiết bị y tế như sau như sau:

1. Báo giá cho các thiết bị y tế và dịch vụ liên quan

STT	Danh mục thiết bị y tế	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất	Mã HS	Năm sản xuất	Xuất xứ	Số lượng	Đơn giá	Chi phí cho các dịch vụ liên quan (nếu có)	Thuế, lệ phí (nếu có)	Thành tiền)
1	Thiết bị A									
2	Thiết bị B									

Ghi chú:

- Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ, chi tiết thông tin theo yêu cầu tại Biểu trên và gửi kèm theo các tài liệu chứng minh, mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của hàng hóa (nếu có).
- Giá báo là giá đã bao gồm thuế, phí theo quy định của Nhà nước.

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày 10/7/2026 [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày].

3. Chúng tôi cam kết

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các hàng hóa nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá hoặc nâng khống giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))